

5- PH NG HÀ TU

TT	ng ph	o n ng		M c giá ( /m2)				
		T	n	M t ng chính	ng nhánh có chi u r ng t 3 m tr lên	ng nhánh có chi u r ng t 2m n d i 3 m	ng nhánh (ngõ) có chi u r ng nh h n 2m	Khu còn l i
1	ng 18A	C u tr ng	Ngã 3 l i r ng 18 c	3,000,000	1,200,000	600,000	300,000	200,000
1.1		L i r ng 18 c	Giáp Hà Phong	1,500,000	600,000	300,000	250,000	200,000
2	u ng vào Nhà sàng	C u tr ng	C ng nhà sàng	1.000.000	400,000	300,000	250,000	200,000
2.1		C u tr ng	ng lên c p c u m	1.000.000	400,000	300,000	250,000	200,000
2.2		ng lên c p c u m	ng ra Hà L m	700,000	300,000	250,000	220,000	200,000
3	ng lên Tr m i n	ng vào nhà sàng	Tr m i n 110Kv	300,000	240,000	220,000	210,000	200,000
4	Khu t xây L oàn 170	Tr n khu (khu g n ngh a trang li t s )		1.000.000				
4.1		Tr n khu (Khu g n Stop H i quân 1.6152 ha)		1,200,000				
5	ng vào Khe cá	ng 18A	ng lên tr ng V V n Hi u	1,500,000	600,000	300,000	250,000	200,000
5.1		ng lên tr ng V V n Hi u	H t khu T p th vi n Thi t k	1,000,000	400,000	250,000	220,000	200,000
5.2		H t khu T p th vi n Thi t k	Ngã 3 xu ng khe cá	700,000	300,000	250,000	220,000	200,000

TT	ng ph	o n ng		M c giá ( /m2)				
		T	n	M t ng chính	ng nhánh có chi u r ng t 3 m tr lên	ng nhánh có chi u r ng t 2m n d i 3 m	ng nhánh (ngõ) có chi u r ng nh h n 2m	Khu còn l i
6	ng X c L	B n xe m	ng t u	700,000	300,000	250,000	220,000	200,000
6.1		ng t u	ng i m Hà Trung	300,000	240,000	220,000	210,000	200,000
7	ng v n t i M	ng 336	ng X c L	500,000	250,000	230,000	210,000	200,000
8	(Thu c khu 7)	ng x c l	i m Hà Trung	300,000	240,000	220,000	210,000	200,000
9	ng vào khai tr ng m Hà Tu	ng 18A	B n xe m	1.500.000	600,000	300,000	250,000	200,000
9.1		B n xe m	ng t u	700,000	300,000	250,000	220,000	200,000
9.2		ng tàu	Ranh gi i khai tr ng	300,000	240,000	220,000	210,000	200,000
10	ng 18A c	Ngã 3	Giáp Hà Phong	700,000	300,000	250,000	220,000	200,000
11	Tuy n ng tàu c	ng vào nhà sàng	ng r ng 18	700,000	300,000	250,000	220,000	200,000
12	ng 336	ng 18 A	Giáp Hà Trung	2.000.000				

Ghi chú:

1. Các th a t có v trí góc bám t 2 m t ng tr lên trong ó có ít nh t 2 m t ng r ng t 3 m tr lên thì giá tính b ng 1,2 l n giá t (m c giá cao nh t c a m t ng ti p giáp v i th a t) theo v trí quy nh t i b ng giá này.

2. i v i th a t bám ng có chênh cao (ho c th p h n) so v i m t ng (tính t ch gi i XD tr vào):

- T 2m n d i 3m giá t b ng 80% giá t quy nh cùng v trí, cùng khu v c t i b ng giá này.
- T 3m tr lên giá t b ng 70% giá t quy nh cùng v trí, cùng khu v c t i b ng giá này.